Chuẩn truyền **thông CTEU-CP**

Số bộ phận: 2149714

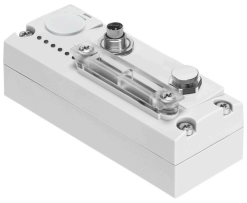

Bảng dữ liệu

Đặc **tính**	**Giá** trị
Giao thức	CPI B
Kích thước B x L x H	40 mm x 91 mm x 50 mm
Kích thước lưới	40 mm
Kiểu gắn	trên giao thức điện trên tấm kết nối điện
trọng lượng sản phẩm	105 g
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 °C...50 °C
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...70 °C
Mức độ bảo vệ	IP65 IP67
Lưu ý về mức độ bảo vệ	ở trạng thái lắp cổng nối không sử dụng đã đóng
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Dấu hiệu KC	KC-EMV
Giấy phép	Dấu RCM c UL us - Listed (OL)
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu vỏ	PA
Màn hình LED cụ thể theo sản phẩm	PS: Điện áp hoạt động cho nguồn cấp điện và nguồn cung cấp tải X1: Mô-đun trạng thái hệ thống tại cổng I 1 X2: Mô-đun trạng thái hệ thống tại cổng I 2
Màn hình LED dành riêng cho bus	RUN: Giao tiếp OK
Chẩn đoán	Lỗi giao tiếp Chẩn đoán hệ thống Điện áp thấp
Các yếu tố vận hành	Công tắc DIL
Giao diện fieldbus, kiểu	Hệ thống lắp đặt CP
Giao diện fieldbus, giao thức	CPI B
Giao diện Fieldbus, loại kết nối	Giắc cắm

Đặc **tính**	**Giá** trị
Giao diện fieldbus, công nghệ kết nối	M9x0,5
Giao diện Fieldbus, số lượng chân / dây	5
Giao diện Fieldbus, tốc độ truyền	1000 kbit/s
Giao diện fieldbus 2, chức năng	Kết nối bus tiếp tục Nguồn cấp điện
Giao diện Fieldbus 2, loại kết nối	Ổ cắm
Giao diện fieldbus 2, công nghệ kết nối	M9x0,5
Giao diện Fieldbus 2, số lượng chân / dây	5
Đầu vào khối lượng địa chỉ tối đa	4 Byte
Khối lượng địa chỉ tối đa Đầu ra	4 Byte
Tham số hóa	Phản hồi sau chẩn đoán Phản hồi an toàn
Thời gian chu kỳ nội bộ	2 ms mỗi 2 byte dữ liệu
Hỗ trợ cấu hình	Không có
Dải điện áp hoạt động DC	18 V...30 V
Điện áp hoạt động danh định DC	24 V
Nguồn cung cấp dòng tối đa	3.4 A
Mức tiêu thụ dòng điện nội tại ở điện áp vận hành định mức	Loại. 50 mA
Bắc cầu sự cố điện	10 ms